TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 15/12/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Tuấn;

Các Thẩm phán: ông Lê Thanh Hoàng;

ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Hương – Kiểm sát viên.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 355/2022/HNGĐ-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang bị kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 22/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1982; nơi cư trú: thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N (về quan hệ tài sản): bà Lê Lâm T, sinh năm 1970; nơi cư trú: phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang, theo giấy ủy quyền ngày 01/12/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* bà Lý Tuyết M, sinh năm 1983; nơi cư trú: thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang, nơi tạm trú hiện nay: Cửa hàng Ô tô TT, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M: Luật sư Trần Ngọc P – Văn phòng luật sư TB, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Huỳnh VL, sinh năm 1960 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

3. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1976; nơi cư trú: thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Huỳnh Minh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006 ông và bà M sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau thì tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, do đó ông, bà đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, nay ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông và bà M có 01 con chung tên Huỳnh Minh Q, sinh ngày 13/6/2008. Hiện cháu Q đang sống cùng ông N, khi ly hôn ông tôn trọng ý kiến của con, con muốn sống cùng ai ông đều chấp nhận, người còn lại không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà gắn liền với diện tích đất tọa lạc tại thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. Tài sản nhà đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08183 ngày 03/12/2018. Ông yêu cầu chia theo quy định pháp luật, nhưng ông đề nghị xem xét về nguồn gốc cũng như phần đóng góp vào tài sản chung khi tiến hành chia, do nguồn gốc nhà đất này là do chị gái của ông (Huỳnh Thị DL) cho tiền mua, không phải là tài sản do vợ chồng ông tự tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân. Nguồn gốc nhà đất này do chị Huỳnh Thị DL mua cho vào năm 2018, mua của ông Huỳnh VL, giá 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), mua cả nhà và đất. Bà DL mua cho hai vợ chồng ông, bà do bà M và mẹ ruột của ông không thuận nhau nên bà DL mua cho vợ chồng ông căn nhà đất này để vợ chồng ông có nhà riêng. Bà DL trao đổi giao dịch với ông VL, sau khi xong thì vợ chồng ông chỉ đến ký tên vào hợp đồng, giấy tờ để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa vợ chồng ông và bà DL không có làm giấy tờ gì về việc mua bán hay thỏa thuận gì. Sau khi mua nhà thì vợ chồng ông có sửa lại nhà, chi phí sửa nhà cũng là của bà DL bỏ ra tặng cho vợ chồng ông. Hiện nhà đất đang do ông quản lý sử dụng cùng cháu Q. Về giá trị nhà thì ông đồng ý với giá định của Hội đồng định giá, ông đồng ý hoàn giá trị nhà đất cho bà M, ông nhận nhà đất.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 10/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lý Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông N.

Về quan hệ con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Huỳnh Minh Q, sinh ngày 13/6/2008. Hiện cháu Q đang sống cùng ông N, khi ly hôn, bà tôn trọng ý kiến của con, con muốn sống cùng ai bà đều chấp nhận, người còn lại không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định ông, bà có tài sản chung là 01 căn nhà gắn liền với diện tích đất tọa lạc tại thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08183 ngày 03/12/2018. Bà M thừa nhận nhà và đất này là do chị chồng là Huỳnh Thị DL bỏ tiền ra mua vào năm 2018 của ông Huỳnh VL, giá mua là 450.000.000 đồng nhưng không phải là tặng cho ông N mà do bà DL trả vào tiền công của ông N làm 16 năm (2006 – 2022) làm công cho bà DL (chị ông N), việc thoả thuận trừ vào tiền công này không có làm văn bản hay giấy tờ gì giữa vợ chồng bà với bà DL. Nguồn gốc tài sản mua bán đất thì do bà DL trực tiếp giao dịch thỏa thuận với bên bán và do bà DL giao tiền cho bên bán, vợ chồng bà chỉ đến ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng. Nhưng sau đó khi đo đạc lại để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát sinh tranh chấp ranh với hộ tứ cận (Ngô Thị Kim S) nên vợ chồng bà thống nhất bỏ phần chồng lấn ranh 8,6m^2 nên diện tích chỉ còn 65,4m^2. Điều này chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà, đất là của vợ chồng bà chứ không phải là bà DL tặng cho, tiền sửa nhà đúng là bà DL bỏ ra nhưng bà DL trừ vào tiền công của ông N.

Bà xác định bà DL cho bà và ông N mượn tiền để mua nhà, sau đó ông N làm công trả dần tiền mua nhà đất cho bà DL, ông N làm công cho bà Huỳnh Thị DL nhưng lại không có lương, từ khi chung sống với ông N đến nay, ông N không đưa tiền cho bà giữ, khi mua nhà bà DL có nói là cho chung vợ chồng bà và ông N. Do đó với yêu cầu chia tài sản chung thì bà đồng ý chia đều tài sản chung trên là mỗi người được hưởng 50% tài sản chung. Theo bà giá trị tài sản chung là 800.000.000 đồng, bà đồng ý hoàn tiền cho ông N, bà nhận nhà và đất còn những vật dụng sinh hoạt trong nhà bà cho ông N. Bà không đồng ý với Biên bản định giá ngày 23/3/2022, nhưng bà không yêu cầu định giá lại.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị DL, ông Huỳnh VL, bà Nguyễn Thị H cùng xác định nội dung trình bày tại văn bản tờ nhân chứng ngày 16/7/2022 đã nộp cho Tòa án là đúng sự thật. Theo đó người làm chứng cùng xác định nhà đất tranh chấp yêu cầu chia là do bà DL (chị ông N) bỏ tiền ra mua và trực tiếp giao

dịch, giao tiền cho ông VL, bà H, phía ông N, bà M chỉ đến ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng, thậm chí bà DL còn đầu tư tiền sửa nhà này cho ông N.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 355/2022/HNGĐ-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Minh N ly hôn với bà Lý Tuyết M. Giấy đăng ký kết hôn số 210 ngày 05/10/2006 do UBND thị trấn CD cấp cho ông Huỳnh Minh N và bà Lý Tuyết M không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Ông Huỳnh Minh N và bà Lý Tuyết M có 01 con chung tên Huỳnh Minh Q, sinh ngày 13/6/2008. Hiện cháu Q đang sống cùng ông N, giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng và bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông N và thành viên gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

Về quan hệ tài sản chung:

Bà Lý Tuyết M có nghĩa vụ hoàn cho ông Huỳnh Minh N số tiền 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Bà Lý Tuyết M được quyền sử dụng đất đối với diện tích 65,4m^2 thuộc tờ bản đồ số 33, thửa 210 và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà ở gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08183 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 03/12/2018 và được thể hiện theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/6/2022 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP lập.

Sau khi bà M thực hiện xong nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông N, bà M có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền về đất đai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai.

Thời gian lưu cư: Ông Huỳnh Minh N được quyền lưu cư trong thời gian 06 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Chi phí tố tụng: Bà Lý Tuyết M phải trả cho ông Huỳnh Minh N số tiền 1.315.700 đồng (một triệu ba trăm mười lăm ngàn bảy trăm đồng).

Về án phí sơ thẩm:

Ông Huỳnh Minh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm ngàn đồng) án

phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên được khấu trừ 5.630.000 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003435 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP. Ông N còn phải nộp 6.270.000 đồng (sáu triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Bà Lý Tuyết M phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2022 nguyên đơn ông Huỳnh Minh N kháng cáo yêu cầu xem xét nguồn gốc tài sản nhà đất, giá trị thực của tài sản (việc bà M đưa ra mức giá 800.000.000 đồng là không có cơ sở bởi theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì nhà đất có giá là 421.226.800 đồng), yêu cầu nhận nhà đất để có chỗ ở cùng con chung, để nuôi con chung, ông sẽ hoàn tỷ lệ 40% giá trị cho bà M.

Tranh luận tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông N (về quan hệ tài sản, ông N chỉ kháng cáo về phần tài sản), bà T xác định giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu nhận tài sản chung là nhà, đất (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08183 ngày 03/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông N và bà M) ông N sẽ hoàn 40% giá trị tài sản nhà đất của số tiền 800.000.000 đồng cho bà M. Vì tài sản này nguồn gốc của bà DL (chị ruột ông N) trực tiếp mua của ông VL, bà H rồi cho lại ông N, để ông N có chỗ ở ổn định cuộc sống, nuôi con chung là cháu Q theo nguyện vọng của cháu. Hiện nay cha con ông không có chỗ ở nào khác, không yêu cầu định giá lại tài sản, kèm theo đơn yêu cầu của cháu Q tiếp tục có nguyện vọng ở với cha bởi cháu không có chỗ ở khác (đơn nguyện vọng của cháu Q có xác nhận của Trưởng khóm nơi có nhà, đất cháu Q đang sinh sống với ông N ký xác nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Q).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M với bà T (đại diện ủy quyền hợp pháp của ông N) tự nguyện thỏa thuận toàn bộ về quan hệ tài sản chung. Cụ thể là, các đương sự cùng thống nhất giá trị tài sản chung là 800.000.000 đồng, bà M đồng ý giao tài sản nhà, đất nêu trên cho ông N trọn quyền sử dụng, quyền sở hữu, ông N chỉ hoàn giá trị tài sản chung cho bà là 350.000.000 đồng, bà yêu cầu không lưu cư và bà không phải chịu chi phí tố tụng, bà chỉ chịu án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật, bà T, đại diện của ông N đồng ý hoàn cho bà M 350.000.000 đồng giá trị tài sản chung, ông N đồng ý tự chịu chi phí tố tụng, ông N được quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản nhà, đất và chịu án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật, đồng ý việc bà M yêu cầu không lưu cư như nguyện vọng của bà M.

Luật sư P bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M tại phiên tòa phúc thẩm xác định việc thỏa thuận của các đương sự bà M và ông N về tài sản chung, chi phí tố tụng, về quyền lưu cư là tự nguyện, sự tự nguyện này của các

đương sự phù hợp với pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện nêu trên của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự bà M với bà T (đại diện ủy quyền hợp pháp của ông N) tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể là, các đương sự cùng thống nhất giá trị tài sản chung là 800.000.000 đồng, bà M đồng ý giao tài sản nhà, đất nêu trên cho ông N trọn quyền sử dụng, quyền sở hữu, ông N chỉ hoàn giá trị tài sản chung cho bà là 350.000.000 đồng, bà yêu cầu không lưu cư và bà không phải chịu chi phí tố tụng, bà chỉ chịu án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật, bà T, đại diện của ông N đồng ý hoàn cho bà M 350.000.000 đồng giá trị tài sản chung, ông N đồng ý tự chịu chi phí tố tụng, ông N được quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản nhà, đất và chịu án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật, đồng ý việc bà M yêu cầu không lưu cư như nguyện vọng của bà M. Nhận thấy sự thỏa thuận của bà M với ông N (do bà T đại diện) là tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận kháng cáo của ông N, sửa án sơ thẩm về phần tài sản chung, về chi phí tố tụng, về án phí chia tài sản, quyết định về án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật; các phần còn lại của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, ý kiến các đương sự, kết quả thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa sơ thẩm tuyên án ngày 31/8/2022, ngày 13/9/2022 ông N kháng cáo là trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên yêu cầu kháng cáo của ông N được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về thủ tục ủy quyền, ông N chỉ kháng cáo phần tài sản chung (không kháng cáo về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung), nên việc ông N ủy quyền cho bà T đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đối với quan hệ tài sản là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách đương sự của bà T là người đại diện theo ủy quyền của ông N về quan hệ tài sản.

[1.3] Về giá trị tài sản chung, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T đại diện theo ủy quyền của ông N và bà M thống giá trị tài sản nhà, đất là 800.000.000 đồng, đồng ý để Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào giá trị tài

sản chung là 800.000.000 đồng để xét xử, đây là nguyện vọng chính đáng và phù hợp pháp luật của các đương sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4] Người làm chứng bà DL, ông VL và bà H (vợ ông VL) được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do, việc vắng mặt những người làm chứng này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, khi cần thiết làm rõ bản chất vụ án, Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông N không kháng cáo về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, Viện kiểm sát cũng không kháng nghị Bản án sơ thẩm, nên hai quan hệ nêu trên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Ông N chỉ kháng cáo về phần tài sản chung, bà M không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông N về tài sản, về nội dung ông N yêu cầu nhận nhà, đất hoàn giá trị cho bà M theo quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông N yêu cầu nhận nhà, đất, hoàn giá trị cho bà M thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T đại diện theo ủy quyền của ông N với bà M cùng thống nhất thỏa thuận với nhau về tài sản chung nhà, đất, về chi phí tố tụng, về quyền lưu cư, cụ thể là:

Bà M đồng ý giao tài sản nhà, đất là 01 căn nhà gắn liền với diện tích đất 65,4m^2 tọa lạc tại thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang (nhà, đất này được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08183 thuộc thửa 210, tờ bản đồ 33 cho ông N, bà M ngày 03/12/2018) cho ông N trọn quyền sở hữu và sử dụng, ông N hoàn giá trị tài sản chung cho bà là 350.000.000 đồng, bà M xin không lưu cư trên nhà, đất này và bà không phải chịu chi phí tố tụng, bà chỉ chịu án phí chia tài sản chung theo pháp luật, bà T (đại diện ủy quyền hợp pháp cho ông N) ông N đồng ý hoàn cho bà M 350.000.000 đồng giá trị tài sản chung, ông N tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng, ông N được quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản nhà, đất và chịu án phí chia tài sản theo quy định pháp luật, đồng ý việc bà M xin không lưu cư như nguyện vọng của bà M.

Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự (bà M, ông N do bà T đại diện tại phiên tòa phúc thẩm) nêu trên là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận toàn bộ việc thỏa thuận của bà M với ông N về tài sản chung, về nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản chung, về chi phí tố tụng, về quyền lưu cư. Do đó, chấp nhận kháng cáo của ông N, sửa án sơ thẩm về phần tài sản chung, về chi phí tố tụng, về án phí chia tài sản, quyết định về án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật như Kiểm sát viên đề nghị là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nợ chung: Ông N, bà M thống nhất không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Công nhận việc ông N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 2.631.400 đồng (ông N đã nộp xong).

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 22.000.000 đồng án phí chia tài sản chung, bà M phải chịu 17.500.000 đồng án phí chia tài sản chung.

[6] Về án phí phúc thẩm: do chấp nhận kháng cáo của ông N và sửa án sơ thẩm nên ông N không phải chịu án phí phúc thẩm, ông N được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các nội dung quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, phúc xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Minh N.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Huỳnh Minh N và bà Lý Tuyết M về tài sản chung, về chi phí tố tụng, về lưu cư.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 355/2022/HNGĐ-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang về phần tài sản chung, về chi phí tố tụng, về lưu cư, về án phí chia tài tài sản chung.

Tuyên xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 33, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Minh N được ly hôn với bà Lý Tuyết M (Giấy đăng ký kết hôn số 210 ngày 05/10/2006 do UBND thị trấn CD cấp cho ông Huỳnh Minh N và bà Lý Tuyết M không còn giá trị pháp lý).

2. Về quan hệ con chung: Ông Huỳnh Minh N và bà Lý Tuyết M có 01 con chung tên Huỳnh Minh Q, sinh ngày 13/6/2008. Hiện cháu Q đang sống cùng ông N, giao con chung Huỳnh Minh Q cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông N và thành viên gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu các đương sự, của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

3. Về quan hệ tài sản chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Huỳnh Minh N và bà Lý Tuyết M về tài sản chung, về chi phí tố tụng, về lưu cư.

Ông Huỳnh Minh N được quyền sử dụng đất đối với diện tích 65,4m^2 thuộc tờ bản đồ số 33, thửa 210 và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08183 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Minh N, bà Lý Tuyết M ngày 03/12/2018 (Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/6/2022 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP lập không tách rời Bản án này).

Ông Huỳnh Minh N có nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản chung cho bà Lý Tuyết M số tiền 350.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Minh N sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản chung số tiền 350.000.000 đồng cho bà Lý Tuyết M, ông Huỳnh Minh N có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai, Luật Nhà ở.

Thời gian lưu cư: Bà Lý Tuyết M không lưu cư tại địa chỉ nhà, đất nêu trên kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (ngày tuyên án phúc thẩm).

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Huỳnh Minh N chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.631.400 đồng (ông N đã nộp xong).

Bà Lý Tuyết M không phải chịu chi phí tố tụng.

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Huỳnh Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 22.000.000 đồng án phí chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.630.000 đồng tạm ứng án phí do ông N đã nộp theo biên lai thu số 0003435 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang nên ông Huỳnh Minh N chỉ phải nộp 16.670.000 đồng án phí sơ thẩm.

Bà Lý Tuyết M phải chịu 17.500.000 đồng án phí chia tài sản chung.

6. Về án phí phúc thẩm:

Ông Huỳnh Minh N không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004758 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền ông N phải hoàn giá trị tài sản chung là 350.000.000 đồng cho người được thi hành án là bà M) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông N) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm đã tuyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- UBND tt. Cái Dầu, huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tuấn